

Số: /2024/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 3

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 79/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định về việc xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là chương trình công tác);

2. Quyết định này áp dụng đối với các Thành viên Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là các bộ, cơ quan, địa phương) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình công tác.

Điều 2. Các loại chương trình công tác

Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ gồm có:

1. Chương trình công tác năm, quý, tháng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

2. Chương trình công tác tuần của Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Nội dung của chương trình công tác

1. Chương trình công tác năm gồm các đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ trong năm, gồm những nội dung sau:

a) Bộ, cơ quan, địa phương chủ trì, tên đề án, cấp trình, thời hạn trình xác định theo từng tháng; tên Vụ, đơn vị chuyên môn thuộc Văn phòng Chính phủ được phân công theo dõi đề án;

b) Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ được phân công phụ trách;

c) Nội dung trình tại phiên họp Chính phủ trong năm;

d) Đối với đề án địa phương chủ trì chuẩn bị sẽ có tên cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành theo dõi và thời gian gửi cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành theo dõi.

2. Chương trình công tác quý, tháng gồm các đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ trong quý, tháng, gồm những nội dung sau:

a) Bộ, cơ quan, địa phương chủ trì, tên đề án, cấp trình, thời hạn trình xác định theo từng tháng; tên Vụ, đơn vị chuyên môn và chuyên viên thuộc Văn phòng Chính phủ được phân công theo dõi đề án;

b) Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ được phân công phụ trách;

c) Chương trình phiên họp Chính phủ trong quý, tháng gồm các nội dung trình bày và thảo luận tại phiên họp, nội dung gửi tài liệu không trình bày.

3. Chương trình công tác tuần là lịch hoạt động của Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ được xác định theo từng ngày trong tuần.

Điều 4. Ban hành chương trình công tác

1. Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình công tác năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sau khi được Chính phủ thông qua;

2. Văn phòng Chính phủ ban hành chương trình công tác quý, tháng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và chương trình công tác tuần của Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Thời hạn trình đề án trong chương trình công tác tháng

1. Căn cứ thời hạn trình quy định theo tháng tại chương trình công tác, các bộ, cơ quan, địa phương chủ trì đề án phải trình trước ngày 20 của tháng; trừ trường hợp thời hạn trình được quy định cụ thể theo ngày hoặc có chỉ đạo khác của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ;

2. Các đề án trình sau thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều này thì được coi là chậm trình so với tiến độ theo quy định của chương trình công tác; đến hết ngày cuối cùng của tháng mà đề án chưa trình thì được xác định là nợ đọng và cơ quan chủ trì đề án được xác định là không hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ đối với đề án này.

Điều 6. Nguyên tắc xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình công tác

1. Đề án đưa vào chương trình công tác năm, quý, tháng là các đề án thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc xem xét, thông qua để trình cấp có thẩm quyền;

2. Việc xây dựng và thực hiện chương trình công tác phải bảo đảm kịp thời, đầy đủ, đúng thẩm quyền; tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, Quy chế làm việc của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan;

3. Các đề án đăng ký vào chương trình công tác phải đảm bảo tính khả thi, trọng tâm, trọng điểm, không được trùng lặp, mâu thuẫn, dàn trải;

4. Các đề án không có trong chương trình công tác và không được Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thì không đủ điều kiện trình xem xét, phê duyệt;

5. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quá trình xây dựng, quản lý, thực hiện chương trình công tác và gắn kết chặt chẽ với công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương.

Chương II

QUY TRÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC

Điều 7. Quy trình xây dựng, ban hành chương trình công tác năm

1. Trước ngày 30 tháng 9 hằng năm, Văn phòng Chính phủ có văn bản đề nghị các bộ, cơ quan, địa phương đăng ký các đề án vào chương trình công tác năm sau của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Trước ngày 15 tháng 11 hằng năm, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của bộ, cơ quan, địa phương, căn cứ xây dựng chương trình công tác quy định tại Điều 19 Quy chế làm việc của Chính phủ, yêu cầu chỉ đạo, điều hành của ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách, nội dung đề án và thẩm quyền xem xét, phê duyệt; các bộ, cơ quan, địa phương chịu trách nhiệm rà soát và đăng ký đề án đưa vào chương trình công tác năm sau của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Quá thời hạn nêu trên, các bộ, cơ quan, địa phương không gửi đăng ký đề án đưa vào chương trình công tác năm sau phải chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Nội dung đăng ký đề án bao gồm: tên đề án; căn cứ xây dựng (cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn); sự cần thiết; phạm vi điều chỉnh; định hướng nội dung; cấp trình; thời hạn trình xác định theo từng tháng; sản phẩm của đề án; đề xuất các nội dung đưa vào chương trình phiên họp Chính phủ;

Đối với đề án của cơ quan, địa phương mà có cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chịu trách nhiệm trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật thì khi đăng ký đề án, cơ quan, địa phương chủ trì xây dựng đề án phải nêu cụ thể cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành theo dõi đề án và thời gian gửi cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành. Trường hợp đăng ký không đúng yêu cầu, trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng Chính phủ trả lại hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ.

4. Về thẩm tra, xây dựng, ban hành chương trình công tác năm:

a) Văn phòng Chính phủ thẩm tra sự cần thiết, căn cứ xây dựng (cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn), phạm vi điều chỉnh, thời hạn trình đề án, sự phù hợp về thẩm quyền và phân công chuẩn bị đề án, sản phẩm của đề án, các vấn đề liên quan khác;

Trường hợp cần thiết, Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan làm rõ thêm các nội dung phục vụ việc thẩm tra, xử lý những vấn đề có ý kiến khác nhau đối với nội dung đăng ký đề án và vấn đề liên quan khác, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của chương trình công tác năm.

b) Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp có thẩm quyền về việc giao nhiệm vụ cho bộ, cơ quan, địa phương xây dựng đề án và các đề án nợ đọng của năm trước mà các bộ, cơ quan, địa phương chưa trình, Văn phòng Chính phủ rà soát, cập nhật, bổ sung các đề án vào chương trình công tác năm sau.

c) Văn phòng Chính phủ tổng hợp dự thảo chương trình công tác năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này, gửi xin ý kiến Thành viên Chính phủ xem xét, thông qua;

d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Thành viên Chính phủ cho ý kiến, Văn phòng Chính phủ tiếp thu, hoàn thiện dự thảo chương trình công tác năm;

đ) Văn phòng Chính phủ trình các Phó Thủ tướng xem xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ký ban hành chương trình công tác năm.

Điều 8. Quy trình xây dựng, ban hành chương trình công tác quý

1. Trên cơ sở chương trình công tác năm đã được ban hành và chỉ đạo của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung các đề án trong chương trình công tác, Văn phòng Chính phủ cập nhật, xây dựng và ban hành chương trình công tác quý chậm nhất vào ngày làm việc đầu tiên của tháng đầu quý;

2. Trường hợp cần thiết, Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xem xét việc cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các đề án trong chương trình công tác quý để bảo đảm tính khả thi, hiệu quả trước khi ban hành.

Điều 9. Quy trình xây dựng, ban hành chương trình công tác tháng

1. Trên cơ sở chương trình công tác quý đã được ban hành và chỉ đạo của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung các đề án trong chương trình công tác, Văn phòng Chính phủ cập nhật, xây dựng và ban hành chương trình công tác tháng chậm nhất vào ngày làm việc đầu tiên của tháng;

2. Căn cứ vào chương trình công tác đã được ban hành, ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung đề án, các bộ, cơ quan, địa phương chủ động đánh giá tình hình thực hiện chương trình công tác, tiến độ chuẩn bị các đề án để đề xuất cập nhật đề án vào chương trình công tác của tháng tiếp theo, trong đó có các đề án đưa vào chương trình phiên họp Chính phủ trong tháng, gửi đến Văn phòng Chính phủ trước ngày 25 của tháng trước để rà soát, tổng hợp ban hành chương trình công tác của tháng tiếp theo;

3. Trường hợp cần thiết, Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xem xét việc cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các đề án trong chương trình công tác tháng, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả trước khi ban hành.

Điều 10. Quy trình xây dựng, ban hành chương trình công tác tuần

1. Căn cứ chương trình công tác tháng, chương trình họp, làm việc của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ và yêu cầu chỉ đạo, điều hành, phân công của cơ quan có thẩm quyền, kết quả phối hợp chương trình công tác với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội; trên cơ sở chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ về lịch hoạt động trong tuần; Văn phòng Chính phủ tổng hợp, xây dựng và ban hành chương trình công tác tuần của Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ chậm nhất vào thứ Sáu của tuần trước.

2. Chỉ đưa vào chương trình công tác tuần các hoạt động họp, làm việc của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính

phủ đã được chuẩn bị đủ điều kiện theo quy định; ưu tiên bố trí để lãnh đạo Chính phủ họp cho ý kiến đối với các đề án dự kiến trình tại phiên họp Chính phủ, các đề án trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, những nội dung quan trọng, cấp bách trong chỉ đạo, điều hành và các trường hợp khác theo sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ.

Điều 11. Nội dung trình phiên họp Chính phủ trong chương trình công tác

1. Căn cứ những vấn đề Chính phủ thảo luận và quyết nghị theo quy định tại Điều 4 Quy chế làm việc của Chính phủ và quy định của pháp luật liên quan, Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương đề xuất các nội dung trình phiên họp Chính phủ để đưa vào chương trình công tác năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

2. Trên cơ sở chương trình công tác năm đã được ban hành và các chỉ đạo của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến nội dung trình phiên họp Chính phủ, Văn phòng Chính phủ chủ động rà soát, cập nhật nội dung các phiên họp Chính phủ để đưa vào chương trình công tác quý, tháng;

3. Trường hợp cần thiết để kịp thời ban hành chương trình công tác quý, tháng, Văn phòng Chính phủ dự kiến nội dung trình phiên họp Chính phủ hằng tháng để đưa vào chương trình công tác. Căn cứ chương trình công tác được ban hành, Văn phòng Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định nội dung, chương trình phiên họp Chính phủ theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 24 Quy chế làm việc của Chính phủ.

Điều 12. Nơi nhận chương trình công tác

1. Đối với chương trình công tác năm, quý, tháng:

a) Danh mục các đề án trong chương trình công tác không thuộc diện bí mật nhà nước được gửi đến Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các cơ quan, tổ chức có liên quan;

b) Danh mục các đề án trong chương trình công tác thuộc diện bí mật nhà nước được gửi đến Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ; các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao chủ trì xây dựng đề án; Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội;

2. Chương trình công tác tuần được gửi đến Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;

3. Trường hợp cần thiết, trên cơ sở đề nghị của cơ quan chức năng có liên quan hoặc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ xem xét, quyết định việc bổ sung cơ quan được nhận chương trình công tác ngoài các cơ quan, địa phương nêu tại khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 13. Xử lý hồ sơ trình các đề án không có trong chương trình công tác, không được giao nhiệm vụ

Đối với hồ sơ các đề án do các bộ, cơ quan, địa phương trình nhưng không có trong chương trình công tác và không được Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp thẩm quyền giao nhiệm vụ theo quy định nêu tại khoản 4 Điều 6 Quyết định này thì chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng Chính phủ có văn bản trả lại hồ sơ và đề nghị cơ quan chủ trì báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ cho phép bổ sung vào chương trình công tác hoặc giao nhiệm vụ theo quy định; trừ trường hợp cấp bách, Văn phòng Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo.

Chương III
BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH CÁC ĐỀ ÁN TRONG
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC

Điều 14. Thẩm quyền và cơ sở xem xét bổ sung, dừng xây dựng, điều chỉnh các đề án trong chương trình công tác năm, quý, tháng

Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bổ sung, dừng xây dựng, điều chỉnh thời hạn trình, thay đổi tên đề án, cơ quan trình, cấp trình đối với các đề án trong chương trình công tác năm, quý, tháng trên cơ sở:

1. Báo cáo, đề xuất của bộ, cơ quan, địa phương;
2. Các kết luận, chỉ đạo của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thường trực Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung hoặc dừng thực hiện đề án trong chương trình công tác;
3. Theo yêu cầu của thực tiễn công tác chỉ đạo, điều hành.

Điều 15. Việc bổ sung, dừng xây dựng đề án, điều chỉnh thời hạn trình, tên đề án trong chương trình công tác năm, quý, tháng theo đề nghị của bộ, cơ quan, địa phương

1. Các bộ, cơ quan và địa phương đề nghị bổ sung, dừng xây dựng đề án, điều chỉnh thời hạn trình, tên gọi đề án trong chương trình công tác trong các trường hợp:

a) Có chỉ đạo của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ hoặc của cấp có thẩm quyền;

b) Có nguyên nhân khách quan và tình huống cấp bách phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện;

c) Căn cứ tình hình thực tiễn công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d) Việc bổ sung, dừng xây dựng đề án, điều chỉnh thời hạn trình đề án là các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Các yêu cầu đối với việc bổ sung, điều chỉnh đề án trong chương trình công tác:

a) Đề nghị bổ sung đề án vào chương trình công tác phải bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 7 Quyết định này;

b) Đề nghị dừng xây dựng, điều chỉnh thời hạn trình trong chương trình công tác phải giải trình rõ lý do, sự cần thiết, đánh giá ảnh hưởng của việc dừng xây dựng đề án, thời hạn trình đề án đối với yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, giải pháp xử lý các tình huống phát sinh do việc dừng, điều chỉnh thời hạn trình đề án;

c) Đề nghị thay đổi tên đề án phải giải trình rõ về sự cần thiết của việc thay đổi tên, phạm vi điều chỉnh, sự chòng chéo với phạm vi điều chỉnh của đề án khác (nếu có);

d) Đề nghị điều chỉnh cơ quan trình, cấp trình đề án phải giải trình rõ cơ sở pháp lý về phân công chức năng, nhiệm vụ của cơ quan liên quan, về thẩm quyền phê duyệt đề án.

3. Trình tự, thủ tục điều chỉnh, bổ sung đề án vào chương trình công tác:

a) Về việc bổ sung, dừng xây dựng đề án, điều chỉnh thời hạn trình, tên gọi đề án phải có đầy đủ ý kiến của các cơ quan liên quan;

b) Trường hợp đề nghị điều chỉnh cấp trình đề án phải có ý kiến của Bộ Tư pháp về cơ sở pháp lý về thẩm quyền; điều chỉnh cơ quan trình đề án phải có ý kiến của cơ quan liên quan về việc phân công nhiệm vụ.

c) Văn phòng Chính phủ chủ trì thẩm tra khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để trình Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Trường hợp cần thiết, Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan làm rõ sự cần thiết, tính khả thi, cơ sở pháp lý, những nội dung còn có ý kiến khác nhau về việc bổ sung, điều chỉnh đề án và các vấn đề liên quan, cần thiết khác trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 16. Việc điều chỉnh thời hạn trình đề án trong chương trình công tác năm, quý, tháng

1. Không cho phép lùi thời hạn trình, phê duyệt đề án là dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành của văn bản quy phạm pháp luật cấp trên hoặc thực hiện các điều ước quốc tế mà làm ảnh hưởng đến hiệu lực thi hành của văn bản quy phạm pháp luật, việc tuân thủ thực hiện điều ước quốc tế đó, trừ trường hợp đã được cấp thẩm quyền cho phép (bỏ đi).

2. Không điều chỉnh lùi thời hạn trình các đề án trong chương trình công tác, trừ nguyên nhân khách quan. Khi đề nghị lùi thời hạn trình, phê duyệt đề án, các bộ, cơ quan, địa phương phải báo cáo rõ các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Quyết định này.

3. Trường hợp cần thiết, Văn phòng Chính phủ chủ động tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh thời hạn trình đề án để bảo đảm khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác chỉ đạo, điều hành và tuân thủ quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 17. Bổ sung, điều chỉnh chương trình công tác tuần

1. Việc bổ sung, điều chỉnh nội dung chương trình công tác tuần thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;

2. Trường hợp cần thiết, Văn phòng Chính phủ quyết định việc ban hành chương trình công tác tuần thay thế để bảo đảm thuận lợi cho việc theo dõi, thực hiện các hoạt động trong chương trình công tác tuần.

Chương IV
THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC

Điều 18. Theo dõi, đơn đốc các đề án trong chương trình công tác

1. Các đề án trong chương trình công tác phải được cập nhật lên Hệ thống theo dõi nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; được theo dõi, đơn đốc và cập nhật tiến độ kịp thời, thường xuyên để báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ hằng tuần, báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ.

2. Đến ngày 20 hằng tháng, Văn phòng Chính phủ cập nhật các đề án chậm trình trong chương trình công tác tháng để kịp thời ban hành văn bản đơn đốc gửi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan, địa phương chủ trì chuẩn bị đề án, trừ trường hợp đề án được cấp thẩm quyền giao thời hạn trình sau ngày 20 hằng tháng.

3. Trước ngày 25 hằng tháng, bộ, cơ quan, địa phương chủ trì chuẩn bị đề án trong chương trình công tác báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các đề án trong chương trình công tác tháng gửi Văn phòng Chính phủ; đồng thời cập nhật tiến độ thực hiện các đề án chậm trình, nợ đọng đến thời điểm báo cáo, làm rõ nguyên nhân, biện pháp xử lý và tiến độ chuẩn bị các đề án trong chương trình công tác thời gian tới; các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp (nếu có);

4. Đến ngày cuối cùng của tháng, quý, năm, Văn phòng Chính phủ cập nhật, lập danh mục các đề án nợ đọng của tháng, quý, năm, gửi đến Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan, địa phương chủ trì chuẩn bị để đôn đốc cùng với việc ban hành chương trình công tác của tháng, quý, năm sau.

Điều 19. Nội dung, hình thức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình công tác

Nội dung, hình thức và quy trình theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các đề án trong chương trình công tác được thực hiện theo Quy chế làm việc của Chính phủ và Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Chương V

TỔNG HỢP, ĐÁNH GIÁ, BÁO CÁO TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC

Điều 20. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác

1. Kết quả thực hiện chương trình công tác được đánh giá trên cơ sở số đề án phải trình, đã trình, đã ban hành, chưa trình; tỷ lệ đề án đã trình, đã ban hành so với số đề án phải trình.

2. Việc đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác áp dụng đối với chương trình công tác tháng, quý và năm;

3. Việc đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác phải bảo đảm khách quan, chính xác; kết quả thực hiện được công khai và gửi đến các thành viên Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan.

Điều 21. Thời hạn báo cáo tình hình, kết quả thực hiện chương trình công tác tháng, quý, năm

1. Các bộ, cơ quan, địa phương báo cáo tình hình, kết quả thực hiện chương trình công tác:

- a) Trước ngày 25 hằng tháng đối với báo cáo tháng;
- b) Trước ngày 15 của tháng cuối quý đối với báo cáo quý;
- c) Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm đối với báo cáo 6 tháng đầu năm;

d) Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm đối với báo cáo năm.

2. Trên cơ sở kết quả theo dõi của Văn phòng Chính phủ, báo cáo của bộ, cơ quan, địa phương, Văn phòng Chính phủ rà soát, tổng hợp tình hình kết quả thực hiện chương trình công tác tháng, quý, 6 tháng, năm đưa vào Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết; báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng, quý, 6 tháng, năm.

3. Căn cứ yêu cầu chỉ đạo, điều hành, Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nội dung, biểu mẫu, phương thức gửi, nhận báo cáo kết quả thực hiện chương trình công tác.

Điều 22. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan và địa phương trong việc thực hiện chương trình công tác

1. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan, địa phương trong thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được căn cứ vào kết quả thực hiện chương trình công tác năm.

2. Kết quả thực hiện chương trình công tác năm để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan, địa phương trong việc thực hiện chương trình công tác được xác định theo tiêu chí:

a) Tỷ lệ phần trăm đề án các bộ, cơ quan và địa phương đã trình, tỷ lệ đề án nợ đọng chưa trình trên tổng số đề án phải trình trong năm. Thời gian trình đề án được tính đến hết ngày 31 tháng 12 của năm;

b) Hồ sơ trình các đề án phải bảo đảm theo quy định tại Quy chế làm việc của Chính phủ.

3. Văn phòng Chính phủ tổng hợp kết quả thực hiện chương trình công tác năm để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan, địa phương trong thực hiện chương trình công tác, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo. Văn phòng Chính phủ thông báo công khai đến các bộ, cơ quan, địa phương về số lượng đề án từng bộ, cơ quan, địa phương phải trình trong năm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan, địa phương trong thực hiện chương trình công tác.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN TRONG XÂY DỰNG, THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 23. Trách nhiệm, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ

1. Chỉ đạo và chịu trách nhiệm chung về việc xây dựng, triển khai và đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

2. Chỉ đạo việc xây dựng, triển khai, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện chương trình công tác theo lĩnh vực phụ trách;

3. Trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan, địa phương về kết quả thực hiện các đề án trong chương trình công tác, báo cáo tham mưu, đề xuất của Văn phòng Chính phủ về kết quả thực hiện chương trình công tác năm; Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương trong thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại các cuộc họp Chính phủ thường kỳ.

Điều 24. Trách nhiệm, quyền hạn của Phó Thủ tướng Chính phủ

1. Chỉ đạo việc xây dựng chương trình công tác thuộc lĩnh vực phụ trách;

2. Chủ động, tích cực chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương triển khai thực hiện chương trình công tác; đôn đốc việc thực hiện các đề án trong chương trình công tác, bảo đảm tiến độ và chất lượng; kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh;

3. Trên cơ sở báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ của Văn phòng Chính phủ về đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác đối với các bộ, cơ quan, địa phương thuộc lĩnh vực, địa bàn được phân công theo dõi, phụ trách; Phó Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo đối với từng bộ, cơ quan, địa phương kịp thời triển khai thực hiện các đề án nợ đọng, quá hạn chưa trình.

Điều 25. Trách nhiệm, quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trên cơ sở đề nghị của Văn phòng Chính phủ, có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc đăng ký đề án vào chương trình công tác năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong thời hạn quy định và căn cứ Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước, các quy định có liên quan để xác định độ mật của từng đề án. Khi đăng ký đề án, các bộ, cơ quan, địa phương phải có trách nhiệm đánh giá kỹ phạm vi, tính chất phức tạp của đề án, khả năng nguồn lực, yêu cầu của công tác chỉ đạo, điều hành, trong đó cần căn cứ thời gian thẩm định của bộ, cơ quan thẩm định đề án theo quy định của pháp luật, để đề xuất tiến độ, thời gian gửi thẩm định, thời gian trình khả thi, hạn chế tối đa việc xin lùi thời hạn trình, dừng xây dựng đề án.

2. Trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách.

3. Chỉ đạo xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện đối với từng đề án trong chương trình công tác được giao; phân công đơn vị chuyên môn của bộ, cơ quan, địa phương làm đầu mối chủ trì, phối hợp trong xây dựng các đề án trong chương trình công tác; quy định cụ thể trách nhiệm của từng đơn vị liên quan, của người đứng đầu, cán bộ, công chức tham gia quá trình xây dựng đề án.

4. Chủ động, tích cực theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các đề án trong chương trình công tác, bảo đảm tiến độ và chất lượng; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách để xem xét, chỉ đạo. Chỉ đạo cập nhật thường xuyên về tình hình, tiến độ, kết quả thực hiện các đề án trong chương trình công tác lên Hệ thống theo dõi nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; chịu trách nhiệm bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng hạn của các nội dung, thông tin cập nhật lên Hệ thống.

5. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, bộ, cơ quan thực hiện việc thẩm định, trình các đề án trong chương trình công tác theo đúng quy định của pháp luật, trong đó phải bảo đảm thời hạn, tiến độ thẩm định và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ nếu để xảy ra việc chậm trễ trong thẩm định đề án làm ảnh hưởng đến tiến độ, thời hạn trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thường xuyên theo dõi, đôn đốc cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương chuẩn bị các đề án thuộc trách nhiệm thẩm định, trình của bộ, cơ quan mình, bảo đảm tiến độ, chất lượng.

6. Bộ, cơ quan, địa phương, tổ chức liên quan thực hiện trách nhiệm phối hợp xây dựng đề án theo quy định; có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản, đúng thời hạn đối với đề án khi được bộ, cơ quan, địa phương chủ trì chuẩn bị đề nghị theo đúng quy định của Quy chế làm việc của Chính phủ, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các Nghị định hướng dẫn thi hành;

7. Đối với những đề án trong chương trình công tác mà vượt quá khả năng, điều kiện thực hiện hoặc có khó khăn, vướng mắc, phải chủ động thông tin, báo cáo kịp thời với các bộ, cơ quan liên quan và Văn phòng Chính phủ để giải quyết hoặc đề xuất, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo theo thẩm quyền;

8. Đối với các đề án nợ đọng chưa trình trong chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan, địa phương chủ trì phải kiểm điểm trách nhiệm tổ chức, cá nhân liên quan, đề ra nhiệm vụ, giải pháp để khắc phục, đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thành đề án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách để xem xét, chỉ đạo;

9. Thực hiện các chế độ báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác theo quy định.

Điều 26. Trách nhiệm, quyền hạn của Văn phòng Chính phủ

Văn phòng Chính phủ là cơ quan quản lý chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, có các trách nhiệm, quyền hạn như sau:

1. Thẩm tra các đề án đăng ký đề án vào chương trình công tác; tham mưu việc xây dựng, ban hành, điều chỉnh, bổ sung và tổ chức thực hiện chương trình công tác;

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương xin ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với những vấn đề có ý kiến khác nhau giữa các bộ, cơ quan, địa phương đối với các đề án đăng ký đưa vào chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

3. Cập nhật danh mục, nội dung các đề án trong chương trình công tác năm, quý, tháng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ lên Hệ thống theo dõi nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; hướng dẫn các bộ, cơ quan, địa phương cập nhật, theo dõi việc thực hiện chương trình công tác;

4. Giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các đề án trong chương trình công tác. Kịp thời tham mưu, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết để đôn đốc các bộ, cơ quan, địa phương thực hiện các đề án nợ đọng. Đề nghị các bộ, cơ quan, địa phương báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình, tiến độ thực hiện các đề án trong chương trình công tác;

5. Tổng hợp tình hình, kết quả, tiến độ thực hiện các đề án trong chương trình công tác, báo cáo Thường trực Chính phủ hằng tuần và báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng;

6. Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương liên quan rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác để tham mưu tổng hợp với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện các đề án trong chương trình công tác; đôn đốc các bộ, cơ quan liên quan trong thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến chương trình công tác;

7. Tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan, địa phương trong việc thực hiện chương trình công tác theo quy định tại Điều 22 Quyết định này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ xem xét để có ý kiến chỉ đạo. Công khai kết quả thực hiện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan, địa phương trong thực hiện chương trình công tác theo quy định;

8. Rà soát, kiểm tra thông tin cập nhật về tình hình, tiến độ, kết quả thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trên Hệ thống theo dõi nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và số liệu trong các báo cáo của các bộ, cơ quan, địa phương. Trường hợp phát hiện thông tin, số liệu cập nhật không chính xác, không đúng thực tế, kịp thời trao đổi với các bộ, cơ quan, địa phương để điều chỉnh;

9. Nâng cấp, phát triển Hệ thống theo dõi nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; kết nối, chia sẻ với các bộ, cơ quan và địa phương bảo đảm việc xây dựng và quản lý, thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Quyết định này.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... tháng ... năm 2024.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

Các Thành viên Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TH (3).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

**BẢNG TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CÁC BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG
GÓP Ý DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

1. Các bộ, cơ quan, địa phương gửi góp ý:
- 21/22 bộ, cơ quan ngang bộ¹;
 - 08/08 cơ quan thuộc Chính phủ;
 - 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Trong đó:
- 58 bộ, cơ quan, địa phương: Nhất trí với Dự thảo;
 - 34 cơ quan, địa phương có ý kiến góp ý Dự thảo.
2. Tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
Vấn đề chung	Bộ KHDT Bộ LĐTBXH	<p>- Về hình thức Dự thảo Quyết định: + Khoản 6 Điều 22 Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ quy định: “Thủ tướng Chính phủ quy định về việc xây dựng và quản lý, thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ”. + Theo Điều 20 Luật Ban hành VBQPPL, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định dưới dạng VBQPPL trong 02 trường hợp, cụ thể: “Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định để quy định:</p> <p>1. Biện pháp lãnh đạo, điều hành hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương; chế độ làm việc với các thành viên Chính phủ, chính quyền địa phương và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ;</p>	<p>Giải trình. Khoản 1 Điều 18 QCVN quy định: “CTCT là danh mục các dự thảo VBQPPL, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, nghị quyết, báo cáo và các đề án khác (sau đây gọi chung là đề án); các hoạt động và công việc cần thực hiện của CP, TTGCP, các PTTgCP theo năm, tháng, quý, tuần”; Khoản 2 Điều 19 quy định “CTCT năm, quý, tháng được xây dựng trên cơ sở CTLY, chỉ đạo, kết luận của BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, UBTVQH, CP, TTGCP.</p>

¹ Bộ Công Thương chưa có văn bản góp ý

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
		<p>2. Biện pháp chỉ đạo, phối hợp hoạt động của các thành viên Chính phủ; kiểm tra hoạt động của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”.</p> <p>Do đó, đề nghị rà soát mục tiêu, phạm vi của việc ban hành Quyết định để bảo đảm hình thức của Quyết định phù hợp với các quy định nêu trên (KHDT).</p> <p>- Đề nghị cân nhắc sự cần thiết ban hành VBQPPL để quy phạm hóa các nội dung thuần túy mang tính chất hành chính. Các hạn chế, bất cập trong xây dựng, quản lý và thực hiện CTCT của Chính phủ, TTgCP được nêu tại điểm b mục 2 phần I dự thảo Tờ trình là hạn chế trong tổ chức thực hiện, không phải do thiếu VBQPPL điều chỉnh. Do vậy, đề nghị cân nhắc việc ban hành dự thảo Quyết định này dưới hình thức VBQPPL, thay vào đó có thể ban hành Quyết định hành chính (LĐTĐBXH).</p>	<p><i>Luật, Nghị quyết, pháp lệnh của QH, UBTWQH...”</i></p> <p>Như vậy, CTCT của CP, TTgCP là cụ thể hóa các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của CP, TTgCP; là biện pháp lãnh đạo, điều hành của CP, TTgCP đối với hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương với kế hoạch cụ thể theo năm, quý, tháng, tuần.</p> <p>Căn cứ quy định trên, Quyết định của TTg về việc xây dựng, quản lý và thực hiện CTCT bằng hình thức văn bản quy pháp luật là phù hợp với Điều 20 Luật Ban hành VBQPPL.</p>
	Bộ GTVT Yên Bái	<p>- Về trích yếu dự thảo Quyết định: Đề nghị điều chỉnh thành “về quy định xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ” (Yên Bái).</p> <p>- Về tên gọi: đề nghị bổ sung cụm từ “Quy định” và sửa thành “Quyết định quy định về xây dựng, quản lý và thực hiện CTCT của Chính phủ, TTgCP” cho thống nhất với nội dung về phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 của dự thảo Quyết định (GTVT).</p>	<p>Giải trình. Đề nghị giữ như dự thảo, theo đó trích yếu của Quyết định là về xây dựng, quản lý và thực hiện CTCT của CP, TTg vì đã bảo đảm ngắn gọn, rõ nghĩa.</p>
	Ninh Thuận	<p>Về căn cứ pháp lý của dự thảo Quyết định: Tại dòng kết thúc căn cứ: Đề nghị thay cụm từ “quy định” bằng cụm từ “ban hành Quyết định”; theo đó, đề nghị hiệu chỉnh là: “TTgCP ban hành Quyết định về việc xây dựng, quản lý và thực hiện CTCT của Chính phủ, TTgCP” để trình bày đúng với mẫu số 04 của Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL.</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
	Bộ Công an	<p>Đề nghị cân nhắc, sửa thành: “<i>Quyết định về xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ</i>”.</p> <p>Bởi vì, tại khoản 1 Điều 18 QCLV của Chính phủ quy định: “CTCT là danh mục các dự thảo VBQPPL, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, nghị quyết, báo cáo và các đề án khác (sau đây gọi là đề án) trình Chính phủ, TTgCP; các hoạt động và công việc cần thực hiện của Chính phủ, TTgCP, các Phó TTgCP theo năm, quý, tháng, tuần” và các điều, khoản của dự thảo Quyết định quy định về xây dựng, quản lý và thực hiện CTCT của các Phó TTgCP.</p>	<p>Giải trình. Trích yếu của dự thảo Quyết định đã bảo đảm bao quát, ngắn gọn, thể hiện được nội dung Quyết định và phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 22 QCLV của CP: “Quyết định về xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, TTgCP” (TTgCP bao gồm các Phó Thủ tướng). Do đó, đề nghị giữ như dự thảo</p>
	Bộ CA Bình Định Ninh Bình	<p>- Đề nghị bổ sung nội dung CTCT gồm cả “các hoạt động và công việc cần thực hiện của Chính phủ, TTgCP, các Phó TTgCP theo năm, quý, tháng, tuần” (khoản 1 Điều 18 QCLV của Chính phủ). Theo đó, đề nghị rà soát toàn bộ các điều, khoản của dự thảo Quyết định đề bổ sung các quy định về “các hoạt động và công việc cần thực hiện của Chính phủ, TTgCP, các Phó TTgCP theo năm, quý, tháng, tuần”, không chỉ quy định về các đề án (BCA).</p> <p>- Khoản 1, 2, 3 Điều 3 dự thảo Quyết định quy định CTCT năm/quý/tháng gồm các đề án trình Chính phủ, TTgCP, các Phó TTgCP trong năm/quý/tháng. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 18 QCLV của Chính phủ thì “CTCT là danh mục các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, nghị quyết, báo cáo và các đề án khác (sau đây gọi là đề án) trình Chính phủ, TTgCP; các hoạt động và công việc cần thực hiện của Chính phủ, TTgCP, các Phó TTgCP theo năm, quý, tháng, tuần.”</p> <p>Như vậy, nếu dự thảo Quyết định quy định CTCT chỉ gồm các đề án mà không có các hoạt động và công việc cần thực hiện của Chính phủ, TTgCP, các Phó TTgCP là chưa đảm bảo thống nhất</p>	<p>Giải trình. Khoản 1 Điều 18 QCLV quy định: “<i>CTCT là danh mục các dự thảo VBQPPL, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, nghị quyết, báo cáo và các đề án khác (sau đây gọi chung là đề án); các hoạt động và công việc cần thực hiện của CP, TTgCP, các PTTgCP theo năm, tháng, quý, tuần</i>”. Tại Khoản 2 Điều 18 QCLV cũng đã quy định rõ CTCT năm, quý, tháng là gồm các đề án; còn tại Khoản 3 Điều 18 QCLV quy định CTCT tuần là lịch hoạt động của TTgCP và các Phó TTgCP. Trên thực tế đã và đang thực hiện như vậy.</p> <p>CTCT là danh mục các đề án đã được cụ thể hóa tại Khoản 1, 2, 3 Điều 3 dự thảo Quyết định, gồm các đề án trình</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
		<p>theo quy định tại Nghị định số 39/2022/NĐ-CP. Đề nghị Ban soạn thảo rà soát và có sự chỉnh sửa cho phù hợp (Bình Định).</p> <p>- Về sử dụng cụm từ “đề án” tại Điều 3: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, làm rõ thêm khái niệm đề án tại Điều 3 Dự thảo Quyết định (quy định CTCT gồm các đề án trình Chính phủ, TTgCP và các Phó TTgCP), vì có những nội dung, nhiệm vụ trình Chính phủ, TTgCP không quy định phải lập đề án, như vậy việc trình một số quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Ninh Bình).</p>	<p>Chính phủ, TTgCP, các Phó TTgCP trong năm, quý, tháng; Đổi với các hoạt động, công việc cụ thể của CP, TTgCP được cụ thể trong CTCT tuân của TTg, PTTg và được quy định tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Quyết định. Như vậy, Điều 3 của dự thảo Quyết định đã cụ thể hóa đầy đủ, phù hợp với Điều 18 QCLV của CP.</p> <p>- Giải trình. Khoản 1 Điều 18 QCLV đã quy định các dự thảo VBQPPL, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, nghị quyết, báo cáo và các đề án khác trình CP, TTg được gọi chung là “đề án”. Do đó, quy định liên quan tại Điều 3 dự thảo Quyết định là phù hợp.</p>
<p>Bộ TP Bộ TTTT Ninh Thuận Bình Định</p>		<p>- Đề nghị rà soát, không quy định lại trong dự thảo Quyết định các nội dung đã được quy định trong VBQPPL khác (ví dụ như một số nội dung trùng lặp với quy định của QCLV ban hành kèm theo Nghị định 39/2022/NĐ-CP, cụ thể: Điều 4 trùng với Điều 19 QCLV; Một số nội dung tại Điều 8, 9, 10, 11 trùng với Điều 20 QCLV;...) (TP)</p> <p>- Điều 4 dự thảo Quyết định trùng lặp với Điều 19 QCLV là chưa phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật BHVBQPPL, theo đó: “VBQPPL phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong VBQPPL khác”. Do đó, đề nghị chỉnh sửa quy định tại Điều 4 dự thảo Quyết định (một số cơ quan, địa phương).</p>	<p>Giải trình. Tại dự thảo Quyết định có một số nội dung đã được quy định trong QCLV của CP là sự dẫn chiếu, tạo sự đồng bộ, thuận lợi trong quá trình thực hiện và bảo đảm thông nhất.</p> <p>- Riêng đối với Điều 4 dự thảo QĐ về nội dung căn cứ xây dựng CTCT, xin tiếp thu ý kiến của các cơ quan, địa phương và bỏ Điều 4; đồng thời đánh lại số thứ tự các điều trong dự thảo Quyết định.</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
	Bộ TTTT Bộ LĐTBXH Bộ KHCHN	<p>- Tại Điều 8 dự thảo về “Quy trình xây dựng, ban hành CTCT”, đề nghị xem xét, quy định cụ thể các bước và mốc thời gian thực hiện quy trình thẩm tra, xây dựng, ban hành CTCT năm sau khi các bộ, ngành, địa phương đăng ký đến khi được TTgCP ban hành (các bước thực hiện và thời gian) (TTTT)</p> <p>- Tại Điều 8, đề nghị bổ sung nội dung quy định về thời gian ban hành Chương trình công tác năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (LĐTBXH)</p> <p>- Đề nghị bổ sung 01 khoản vào Điều này về thời gian trình Chương trình công tác năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (KHCHN)</p>	<p>Giải trình. Về quy trình, thời gian thẩm tra, xử lý hồ sơ trình các đề án trong CTCT đã được quy định cụ thể tại Điều 15, Điều 16 QCVL và thực hiện theo quy định của 02 Điều này. Việc quy định cụ thể mốc thời gian ban hành CTCT năm trong Quyết định này là không khả thi vì từ khi các bộ, cơ quan, địa phương đăng ký đề án vào CTCT năm đến khi ban hành CTCT năm phải trải qua nhiều khâu khác nhau, cần phải lấy ý kiến cơ quan liên quan và báo cáo Chính phủ trước khi TTg ký ban hành. Tại điểm c Khoản 1 Điều 20 QCVL đã quy định “<i>trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Chính phủ thông qua, VPCP trình TTgCP xem xét, ban hành</i>” CTCT năm. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo.</p>
	Bộ TP	<p>Đề nghị bổ sung quy định cụ thể nhằm phân định rõ mối quan hệ giữa CTCT với các đề án không có trong CTCT nhưng được Chính phủ, TTgCP, Phó TTgCP hoặc cấp thẩm quyền giao nhiệm vụ. Đồng thời, để bảo đảm tính thống nhất và thuận lợi trong việc theo dõi, giám sát, dự thảo Quyết định, cần quy định trách nhiệm cụ thể trong việc tổng hợp, bổ sung các đề án nêu trên vào trong CTCT để trình TTgCP, Phó TTgCP phê duyệt theo quy định tại Điều 15 dự thảo Quyết định. Trong trường hợp Chính phủ, TTgCP, Phó TTgCP giao thêm đề án ngoài CTCT, VPCP có trách nhiệm cập nhật bổ sung vào CTCT để theo dõi, đôn đốc các cơ quan.</p>	<p>Tiếp thu. Đối với các đề án không có trong CTCT năm nhưng được CP, TTg, PTg hoặc cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thì sẽ được VPCP cập nhật trong quá trình xây dựng và ban hành CTCT quy, tháng</p> <p>Nội dung này đã được quy định cụ thể tại Điều 8 và Điều 9 dự thảo Quyết định</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
	Bộ LĐTBXH	Đề nghị bổ sung nội dung quy định về việc quản lý, theo dõi đối với các đề án chậm tiến độ và không trình trong năm theo chương trình công tác đã được phê duyệt.	<p>Tiếp thu. Bổ sung nội dung này vào điểm b Khoản 4 Điều 7 dự thảo Quyết định, theo đó: <i>Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, TTGCP, các Phó TTGCP hoặc cấp có thẩm quyền về việc giao nhiệm vụ cho bộ, cơ quan, địa phương xây dựng các đề án và các đề án nợ đọng của năm trước mà các bộ, cơ quan, địa phương chưa trình, VPCP rà soát cập nhật, bổ sung các đề án vào CTCT năm sau.</i></p>
	TP Đà Nẵng Cà Mau	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị rà soát, bổ sung đánh giá về tiến độ thẩm định các đề án thuộc chương trình công tác của Chính phủ, TTGCP của các Bộ, ngành có liên quan, làm căn cứ bổ sung quy định về thời gian thẩm định, tránh tình trạng việc thẩm định kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ trình Chính phủ, TTGCP phê duyệt và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan, địa phương (Cà Mau) - Đề nghị nghiên cứu có quy định cụ thể việc đánh giá mức độ hoàn thành đối với đề án của cơ quan, địa phương mà có cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chịu trách nhiệm trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để có sự phân định trách nhiệm cụ thể (Tp Đà Nẵng) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu. Đã bổ sung nội dung đánh giá về hạn chế trong khâu thẩm định các đề án trước khi trình CP, TTg vào điểm d Khoản 1 Mục II Báo cáo đánh giá. - Giải trình. Thời gian thẩm định các đề án được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành và phụ thuộc nhiều vào chất lượng xây dựng đề án của cơ quan chủ trì chuẩn bị. Nhiều trường hợp, trong quá trình thẩm định phát sinh vấn đề phức tạp... nên thời gian thẩm định kéo dài hơn. Việc đánh giá mức độ hoàn thành đối với đề án căn cứ vào thời gian bộ, cơ quan, địa phương chủ trì trình CP,

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
Về hồ sơ trình			<p>TTg đề án đó, trong đó có trách nhiệm của cơ quan chủ trì xây dựng và cơ quan thẩm định (nếu có).</p> <p>Đề đề cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì chuẩn bị, cơ quan thẩm định đối với đề án có yêu cầu thẩm định trước khi trình CP, TTg, VPCP đã bổ sung các quy định tại khoản 3 Điều 7 về việc cơ quan, địa phương khi đăng ký đề án phải đăng ký cụ thể thời gian gửi cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành theo đối đề án; tại khoản 1 và 5 Điều 25 về trách nhiệm của cơ quan chủ trì trong khâu đăng ký đề án vào CTCT và của cơ quan thẩm định trong thực hiện thẩm định đề án.</p>
Về dự thảo Tờ trình	Bộ Khoa học và Công nghệ	<p>Tại mục I.2.d. Bài học kinh nghiệm (trang 5): Đề nghị cần nhắc bỏ Mục này vì nội dung đã được trình bày tại Mục II.3 của dự thảo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện việc xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (dự thảo Báo cáo); đồng thời việc đề nội dung Bài học kinh nghiệm tại dự thảo Báo cáo sẽ phù hợp hơn tại dự thảo Tờ trình</p>	<p>Giải trình. Tại dự thảo Tờ trình có nội dung về bài học kinh nghiệm nhằm đánh giá tổng thể và toàn diện. Nội dung này trong Tờ trình là cần thiết (tương tự nhiều Tờ trình gửi CP, TTgCP đều có nội dung này). Do đó, đề nghị giữ như dự thảo.</p> <p>Giải trình. Đến nay các bộ, cơ quan, địa phương cơ bản thống nhất với phương án Văn phòng Chính phủ đề</p>
		<p>Đề nghị chuyển nội dung Phần V - Một số vấn đề xin ý kiến của dự thảo Báo cáo sang dự thảo Tờ trình để bảo đảm phù hợp với mẫu Tờ trình theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết Luật BHVBQPPL.</p>	

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
Về kỹ thuật soạn thảo và trình tự các nội dung	Bộ CA	<p>Tại Điều 3 (Nội dung chương trình công tác), trang 02 dự thảo Quyết định, đề nghị nghiên cứu gộp các khoản 1, 2, 3 thành 01 khoản có tính khái quát cao hơn (dự thảo Quyết định đang quy định các nội dung cơ bản như nhau).</p>	<p>xuất. Do đó xin không nêu vấn đề xin ý kiến trong Tờ trình và Báo cáo</p> <p>- Tiếp thu. Gộp khoản 2 và khoản 3 của Điều 3 vào thành Khoản 2 của Điều 3 “<i>CTCT quý, tháng gồm...</i>”</p> <p>Riêng đối với CTCT năm (khoản 1):</p> <p>Theo quy định hiện hành, CTCT năm do TTg ban hành còn CTCT quý, tháng do VPCP ban hành. Nội dung CTCT quý, tháng có khác và chi tiết hơn CTCT năm, trong đó quy định cụ thể cán bộ được VPCP phân công theo dõi đề án, cũng như quy định cụ thể về các nội dung trình bày, thảo luận và nội dung gửi tài liệu không trình này tại PHCP hàng tháng. Vì vậy, khoản 1 Điều 3 về CTCT năm xin để riêng, không gộp với khoản 2 về CTCT quý, tháng.</p>
	Bộ CA	<p>Đề nghị chuyển Điều 5 (Ban hành chương trình công tác) và Điều 6 (Thời hạn trình đề án trong chương trình công tác) xuống Chương II (Quy trình xây dựng, ban hành chương trình công tác</p>	<p>Giải trình. Điều 5 và Điều 6 quy định những nội dung mang tính chất chung nên để ở Chương I - Những quy định chung là phù hợp. Chương II quy định về quy trình xây dựng, ban hành CTCT, nên đưa Điều 5, Điều 6 vào Chương II thì không phù hợp. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo</p>
	Bình Định	<p>- Khoản 2 Điều 6: Bỏ từ “nêu” vì thừa, không cần thiết. Quy định này sau khi chỉnh sửa là “Các đề án trình sau thời hạn quy định tại</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giai trình
		<p>Khoản 1 Điều này thì được coi là chậm trình so với tiến độ theo quy định của chương trình công tác,...</p> <p>- Khoản 2 Điều 8: Đề nghị bổ sung cụm từ “hàng năm” vào sau cụm từ “Trước ngày 15 tháng 11” cho đầy đủ và chính xác.</p> <p>Bỏ cụm từ “về việc này” ở phần cuối của khoản này vì thừa. Quy định này sau khi chỉnh sửa là “Quá thời hạn nêu trên, các bộ, cơ quan, địa phương không gửi đăng ký đề án đưa vào chương trình công tác năm sau phải chịu trách nhiệm trước Chính phủ, TTgCP”.</p>	
Một số cơ quan, địa phương		<p>Tại Khoản 1 Điều 5: Đề nghị chỉnh sửa cụm từ “...sau khi được Thủ tướng Chính phủ thông qua” thành “...sau khi được Chính phủ thông qua” để bảo đảm đúng quy định tại khoản 1 Điều 20 QCLV: “TTgCP ban hành CTCT năm của Chính phủ, TTgCP sau khi được Chính phủ thông qua” (một số cơ quan, địa phương)</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định (Đã sửa đổi khoản 1 Điều này)</p>
Bộ TP		<p>Đề nghị chỉnh lý khoản 3 Điều 8 như sau: “...Đối với đề án của cơ quan, địa phương mà có cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chịu trách nhiệm trình Chính phủ, TTgCP theo quy định của pháp luật thì khi đăng ký đề án, cơ quan, địa phương chủ trì xây dựng đề án phải nêu rõ cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành theo dõi đề án. Trường hợp đăng ký không đúng yêu cầu, trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, VPCP sẽ trả lại đề xuất hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ”</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định</p>
Bộ KH-CN		<p>Tại khoản 1, khoản 2 Điều 17: Đề nghị rà soát các thuật ngữ “điều chỉnh thời hạn trình đề án” ở tên Điều; “lùi tiến độ trình, phê duyệt đề án” ở khoản 1 và “điều chỉnh lùi thời hạn trình đề án” ở khoản 2 để có cách viết rõ ràng hơn. Theo dự thảo hiện nay thì chưa làm rõ được hai thuật ngữ “lùi tiến độ trình, phê duyệt đề án” ở khoản 1 và “điều chỉnh lùi thời hạn trình đề án” ở khoản 2 khác nhau như thế nào để áp dụng sau khi Quyết định được ban hành.</p>	<p>Tiếp thu, thông nhất dùng cụm từ “lùi thời hạn trình đề án”</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
	Bộ KHCN	Đề nghị rà soát, góp ý Điều 21 và Điều 23 thành 01 Điều về “Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình công tác và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan và địa phương trong việc triển khai Chương trình công tác”. Lý do: Điều 21 và Điều 23 có nhiều nội dung tương tự hoặc trùng nhau.	Giải trình. Điều 21 quy định về nguyên tắc, đối tượng của việc đánh giá kết quả thực hiện CTCT, còn Điều 23 quy định việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan và địa phương trong việc thực hiện CTCT. Do đó, đề nghị giữ như giữ dự thảo Quyết định.
Điều 2	Bộ LĐTBXH	Đề nghị thống nhất sử dụng cụm từ “tên Đề án” trong văn bản, hiện nay tại văn bản đang dùng các cụm từ “tên gọi”, “tên Đề án”. Khoản 2 Điều 1 dự thảo Quyết định quy định “Quyết định này áp dụng đối với các Thành viên Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là các bộ, cơ quan, địa phương)...”. Tuy nhiên, Thành viên Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh là cá nhân; trong khi đó, các bộ, cơ quan, địa phương là tập thể. Do đó, việc dự thảo Quyết định quy ước gọi tắt các Thành viên Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh là các bộ, cơ quan, địa phương là chưa phù hợp; dễ gây nhầm lẫn về thẩm quyền, trách nhiệm của các chủ thể này trong quy định tại các Điều 3, 4, 6, 8,...	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo. Tiếp thu, hoàn thiện lại Khoản 2 Điều 1 dự thảo Quyết định
	Bộ LĐTBXH	Tại Điều 2, đề nghị sửa đoạn “... quy định tại khoản 1 Điều 18 QCLV...” thành “... quy định tại khoản 2 và 3 Điều 18 Quy chế làm việc của Chính phủ...”	Tiếp thu, hoàn thiện Điều 2 theo hướng ghi chung: “CTCT của Chính phủ, TTGCP gồm có.”
Một số cơ quan, địa phương		Tại khoản 1 Điều 2: Đề nghị bỏ cụm từ “gồm chương trình công tác” (“Chương trình công tác gồm chương trình công tác năm, quý, tháng của Chính phủ, TTGCP, Phó TTGCP”) để tránh trùng lặp do đầu khoản 2 đã nêu “CTCT của Chính phủ, TTGCP... gồm:” (một số cơ quan, địa phương).	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
	Khánh Hòa	<p>Về thời hạn trình đề án theo các chương trình công tác năm, quý, tháng (Điều 3 dự thảo)</p> <p>Theo dự thảo, thời hạn trình đề án được xác định khi đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, đối với các đề án do địa phương chủ trì trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì thông qua các Bộ, ngành Trung ương thẩm định, do thời gian thẩm định của các Bộ, ngành không xác định được sẽ ảnh hưởng đến tiến độ trình của địa phương.</p> <p>Vì vậy, UBND tỉnh Khánh Hòa đề nghị xác định thời hạn trình đối với đề án này là thời hạn địa phương trình cho Bộ, ngành thẩm định.</p>	<p>Giải trình. Về nguyên tắc, thời gian trình đề án được tính từ khi đề án đó có tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Chính phủ, TTgCP, Phó TTgCP; nếu các đề án của cơ quan, địa phương phải thông qua các bộ, ngành Trung ương thẩm định thì cơ quan chủ trì đề án khi đăng ký thời hạn trình đề án phải tính toán cộng thêm khoảng thời gian thẩm định, hoàn thiện đề án cho phù hợp, khả thi. Thời gian thẩm định thực hiện theo pháp luật chuyên ngành. Đây là đề án trong CTCT của CP, TTgCP, thời hạn trình phải là thời hạn cơ quan chủ trì trình CP, TTgCP mới phù hợp; không thể lấy thời gian cơ quan chủ trì đề án gửi cơ quan thẩm định là thời hạn trình CP, TTgCP.</p>
Điều 5	Bộ TTTT		
Khoản 1		<p>Đề nghị sửa lại cho đồng bộ trong Quy chế làm việc của Chính phủ như sau: “1. Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình công tác năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày sau khi được Thủ tướng Chính phủ thông qua.</p>	<p>Giải trình. Điểm b Khoản 1 Điều 20 QCLV của CP quy định: <i>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày CP thông qua, VPCT trình TTgCP xem xét, ban hành CTCT năm.</i> Dự thảo QĐ đã thể hiện phù hợp quy định trên của QCLV.</p>
Khoản 2		<p>VPCT ban hành CTCT quý, tháng của Chính phủ, TTgCP và CTCT tuần của TTgCP, các Phó TTgCP sau khi đã cập nhật bổ sung, điều chỉnh các đề án, kế hoạch công tác tuần theo chỉ đạo của</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định (không tiếp thu đoạn dẫn chiếu</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
Điều 7		Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 39/2022/NĐ-CP”.	đến khoản 2 Điều 20 QCLV vì không cần thiết)
Khoản 2	Bộ NV	Tại Khoản 2 Điều 7: Đề nghị xem xét, quy định việc đảm bảo tính khả thi thành một nguyên tắc riêng khi xây dựng, quản lý chương trình công tác	<p>Tiếp thu. Theo đó, sửa đổi thành 2 khoản (tại Điều 6) như sau:</p> <p>“2. Việc xây dựng và thực hiện chương trình công tác phải bảo đảm kịp thời, đầy đủ, đúng thẩm quyền; tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, Quy chế làm việc của CP và các quy định pháp luật khác có liên quan;</p> <p>3. Các đề án đăng ký vào chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phải đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm, không được trùng lặp, mâu thuẫn, dàn trải;”</p>
Khoản 3	Bộ KHĐT Bộ TTTT Bộ YT Lào Cai	<p>- Khoản 3 Điều 7 hiện đang quy định: “3. Các đề án không có trong chương trình công tác và không được Chính phủ, Thường trực Chính phủ, TTgCP, Phó TTgCP hoặc cấp thẩm quyền giao nhiệm vụ thì không đủ điều kiện trình xem xét, phê duyệt”.</p> <p>Tuy nhiên trên thực tế, các đề án chỉ cần không đáp ứng một trong hai điều kiện kể trên thì sẽ không được xem xét, phê duyệt. Do vậy, đề nghị nghiên cứu, trình bày lại nội dung khoản 3 Điều 7 nêu trên theo cách viết quy định, cụ thể như sau:</p> <p>“3 Các đề án không đủ điều kiện trình xem xét, phê duyệt:</p> <p>a) Không có trong CTCT;</p>	<p>- Giải trình. Quy định tại Khoản 3 Điều 7 tại dự thảo Quyết định là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 21 QCLV của Chính phủ, theo đó nếu đề án không có trong CTCT nhưng được CP, TTg, PTTg giao nhiệm vụ thì đủ điều kiện trình xem xét, phê duyệt. Trên thực tế đang thực hiện theo quy định này.</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
		<p>b) Không được Chính phủ, Thường trực Chính phủ, TTgCP, Phó TTgCP hoặc cấp thẩm quyền giao nhiệm vụ.” (KHHT).</p> <p>- Đề nghị cần nhắc không quy định nội dung tại khoản 3 Điều 7 của dự thảo về “Nguyên tắc xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình công tác” vì “các Đề án không có trong chương trình công tác” không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này (TTTT).</p> <p>Tại khoản 3 Điều 7: Đề nghị cần nhắc quy định “Các đề án không có trong CTCT và không được Chính phủ, Thường trực Chính phủ, TTgCP, Phó TTgCP hoặc cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thì không đủ điều kiện xem xét, phê duyệt” và chính lý theo hướng các Bộ, ngành có trách nhiệm báo cáo Chính phủ hoặc cấp thẩm quyền giao nhiệm vụ về việc điều chỉnh CTCT trước khi trình Chính phủ đối với các đề án không có trong CTCT (Y tế)</p> <p>- Tại Khoản 3, Điều 7 quy định: “Các đề án không có trong chương trình công tác và không được Chính phủ, Thường trực Chính phủ, TTgCP, Phó TTgCP hoặc cấp thẩm quyền giao nhiệm vụ thì không đủ điều kiện trình, phê duyệt”; đề nghị bổ sung thêm nội dung: “... trừ trường hợp đặc biệt, các đề án phục vụ cho phòng, chống thiên tai, bão lũ, dịch bệnh lớn xảy ra đột xuất” (Lào Cai)</p>	<p>- Giải trình. Về nguyên tắc, các đề án thuộc diện đưa vào CTCT theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 18 QCLV của CP. Quy định tại dự thảo Quyết định đối với việc xử lý các đề án trình không có trong CTCT là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 21 QCLV nhằm bảo đảm các đề án được chuẩn bị, trình theo đúng CTCT, chỉ đạo của CP, TTg, PTTg và cấp có thẩm quyền, tránh các trường hợp không dự báo được chương trình, bị động trong việc xem xét, thông qua.</p> <p>- Tiếp thu. Những đề án phát sinh, đột xuất theo chỉ đạo của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, TTgCP, PTTgCP là đủ điều kiện trình. Đối với trường hợp cấp bách, VPCP xin bổ sung thêm quy định sau vào cuối Điều 13 Về xử lý hồ sơ trình các đề án không có trong CTCT, không được giao nhiệm vụ, theo đó VPCP có văn bản trả lại hồ sơ đề nghị cơ quan chủ trì báo cáo TTg, PTTg cho phép bổ sung vào CTCT hoặc giao nhiệm vụ theo quy định, trừ trường hợp cấp bách, Văn phòng Chính phủ báo cáo Thủ</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
Điều 8			tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo.
Khoản 3	Bộ KHCN Hòa Bình	<p>- Tại khoản 3 Điều 8: Đề nghị cân nhắc việc quy định nội dung đăng ký đề án bao gồm cả căn cứ xây dựng và sự cần thiết xây dựng đề án; đồng thời quy định rõ hơn việc đề xuất nội dung đưa vào Chương trình phiên họp Chính phủ và sửa lại theo hướng: “3. Nội dung đăng ký đề án bao gồm: tên gọi; sự cần thiết (căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn); phạm vi điều chỉnh; định hướng nội dung; cấp trình; thời hạn trình xác định theo từng tháng; sản phẩm của đề án; đề xuất các nội dung đưa vào chương trình phiên họp Chính phủ (nếu có)”.</p> <p>Lý do: (i) Bảo đảm tránh sự trùng lặp về nội dung do sự cần thiết xây dựng đề án đã bao gồm căn cứ xây dựng (văn bản giao nhiệm vụ) hoặc xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn cần phải xây dựng văn bản; (ii) theo quy định tại Điều 61 và 89 Luật Ban hành VBQPPL, Chính phủ xem xét, quyết định việc trình dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết; xem xét, thông qua đề nghị xây dựng nghị định tại phiên họp của Chính phủ. Đối với các đề án là Quyết định của TTGCP sẽ không đưa ra thảo luận trong phiên họp Chính phủ. Đồng thời, đề nghị cân nhắc thêm nội dung này vì trong trường hợp chưa tiến hành nghiên cứu, xây dựng văn bản thì cơ quan chủ trì cũng khó xác định được đề xuất nội dung đưa vào Chương trình phiên họp Chính phủ (KHCN)</p> <p>- Khoản 3 dự thảo quy định về nội dung đăng ký đề án gồm: tên gọi; căn cứ xây dựng; sự cần thiết; phạm vi điều chỉnh; định hướng nội dung; cấp trình; thời hạn trình xác định theo từng tháng; sản phẩm của đề án... Tuy nhiên, một trong những nội dung quan trọng trong Đề án là những nội dung chính của Đề án. Do đó, đề nghị cơ</p>	<p>Giải trình. Nội dung đăng ký đề án gồm cả căn cứ xây dựng và sự cần thiết xây dựng đề án là thực hiện theo đúng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 20 QCLV của CP.</p> <p>Trong CTCT năm được ban hành từ đầu năm, để tạo sự chủ động cho công tác chuẩn bị và xây dựng các CTCT quý, tháng, đã xác định các nội dung báo cáo ra Phiên họp Chính phủ. Vì vậy, cơ quan chủ trì khi đăng ký đề án đưa vào CTCT năm cần căn cứ thẩm quyền phê duyệt, thông qua và tính chất của đề án để đề xuất nội dung đưa vào phiên họp Chính phủ. Trên cơ sở đó, Chính phủ sẽ xem xét, quyết định việc đưa ra báo cáo tại Phiên họp Chính phủ.</p> <p>Do đó, đề nghị giữ như dự thảo Quyết định đề phù hợp và thống nhất với QCLV của Chính phủ</p> <p>- Giải trình. Về yêu cầu khi đăng ký đề án vào CTCT năm phải nêu “định hướng nội dung” là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 20</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương, góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
Khoản 4	Hòa Bình	<p>quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “định hướng nội dung” thành “những nội dung chính của Đề án” để bảo đảm phù hợp hơn. Đồng thời, đề nghị bỏ cụm từ “đề xuất các nội dung đưa vào chương trình phiên họp Chính phủ” vì nội dung này đang quy định về đăng ký đề án (Hòa Bình)</p>	<p>QCLV của CP. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo Quyết định.</p>
Khoản 4	Hòa Bình	<p>Khoản 4, đề nghị không quy định các hình thức thực hiện việc phối hợp giữa VPCP với các cơ quan khác mà chỉ cần quy định VPCP là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan làm rõ các nội dung trong CTCT năm, cụ thể như sau:</p> <p>“4. Về thẩm tra, xây dựng, ban hành chương trình công tác năm:</p> <p>a) VPCP thẩm tra sự cần thiết, căn cứ xây dựng, cơ sở pháp lý, phạm vi điều chỉnh, thời hạn trình đề án, sự phù hợp về thẩm quyền và phân công chuẩn bị đề án, sản phẩm của đề án, các vấn đề liên quan khác;</p> <p>Trường hợp cần thiết, VPCP chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan để làm rõ thêm các nội dung phục vụ thẩm tra, xử lý những vấn đề có ý kiến khác nhau đối với nội dung đăng ký đề án và vấn đề liên quan khác, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của chương trình công tác năm sau trước khi gửi xin ý kiến Thành viên Chính phủ xem xét thông qua”.</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định</p>
Điều 9			
Khoản 2	Bộ TTTT Hòa Bình	<p>Tại khoản 2 Điều 9 của dự thảo về “Quy trình xây dựng, ban hành chương trình công tác quý”, đề nghị sửa đổi như sau: “2. Trường hợp cần thiết, VPCP đề nghị cơ quan liên quan có ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức làm việc phối hợp với các cơ quan liên quan để rà soát, xem xét việc cấp nhất, điều chỉnh, bổ sung các đề án trong CTCT quý để bảo đảm tính khả thi, hiệu quả trước khi ban hành.”</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định.</p>
Điều 13			

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
Khoản 1	Bộ TTTT Thái Bình	<p>- Tại khoản 1, Điều 13 của dự thảo về “Nơi nhận chương trình công tác”, đề nghị làm rõ quy định này là để gửi chương trình công tác hay là gửi các đề án thuộc chương trình công tác năm, quý, tháng. Trên cơ sở đó thống nhất giữa tên gọi của Điều 13 và nội dung quy định tại khoản 1, Điều 13 (TTTT)</p> <p>- Tại điểm b Khoản 1 Điều 13 dự thảo Quyết định: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung cụm từ “theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước” vào phần cuối điểm b như sau: “Các đề án có trong CTCT thuộc danh mục bí mật nhà nước được gửi đến TTgCP, các Phó TTgCP; các Bộ TTgCP; Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh có liên quan; Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước” (Thái Bình)</p>	<p>- Giải trình. CTCT năm, quý, tháng gồm các đề án không thuộc diện mật và đề án thuộc diện mật. Để bảo đảm yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định, danh mục các đề án mật chỉ được gửi đến các cơ quan chủ trì, còn danh mục các đề án không thuộc diện mật thì được gửi đến tất cả các bộ, cơ quan, địa phương theo quy định.</p> <p>- Giải trình. Trong dự thảo Quyết định cần quy định cụ thể các địa chỉ được nhận danh mục các đề án thuộc diện mật để bảo đảm yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước (là các cơ quan chủ trì xây dựng đề án và một số cơ quan cụ thể liên quan). Do đó, đề nghị giữ như dự thảo.</p>
Khoản 2	Yên Bái	Về nơi nhận chương trình công tác (khoản 2 Điều 13): Đề nghị bổ sung “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan”.	Giải trình. Lịch công tác tuần của Thủ tướng, các PTTg là các hoạt động cụ thể của CP, TTg, các PTTg trong tuần, thuộc diện bí mật nhà nước và được gửi đến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP, một số cơ quan của Đảng, Nhà nước, Quốc hội. Trường hợp, LĐCP công tác tại địa phương, VPCP sẽ có thông báo cụ thể đến địa phương liên quan. Do đó, để

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
Điều 14	Bộ Y tế	<p>Đề nghị cân nhắc không đưa vào Dự thảo Quyết định điều này (về xử lý hồ sơ trình các đề án không có trong chương trình công tác, không được giao nhiệm vụ) để các Bộ, ngành chủ động rà soát Chương trình công tác trước khi trình Chính phủ, không làm phát sinh thêm việc trình, tiếp nhận, trả hồ sơ của Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành nh.</p>	<p><i>Đề nghị giữ như dự thảo Quyết định.</i></p> <p>Giải trình. Dự thảo quy định như vậy là phù hợp, bảo đảm kỹ luật, kỷ cương hành chính và làm rõ cách thức xử lý đối với các đề án chưa có trong CTCT và chưa được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ. Qua đó, VPCP có cơ sở để xử lý khi nhận được hồ sơ trình các đề án thuộc loại này (không có trong CTCT, không được giao nhiệm vụ). Tuy nhiên, đối với các trường hợp cấp bách xin bổ sung thêm quy định, VPCP báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo. (Đ 13)</p>
Điều 15	Bình Định	<p>Điều 15 về <u>thẩm quyền quyết định</u> việc bổ sung, dừng xây dựng, thay đổi tên gọi, cơ quan trình, cấp trình, thời hạn trình đối với các đề án trong CTCT. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 15 lại quy định về các <u>trường hợp phải bổ sung</u>, dừng xây dựng, thay đổi tên gọi, cơ quan trình, cấp trình, thời hạn trình đối với các đề án trong CTCT là “Các trường hợp khác theo yêu cầu của công tác chỉ đạo, điều hành”.</p> <p>Như vậy, tên của Điều 15 và nội hàm quy định tại khoản 2 Điều này không thống nhất. Đề nghị xem xét, quy định lại cho phù hợp.</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định, sửa tên Điều 15 (nay là Điều 14) thành “Thẩm quyền và cơ sở xem xét bổ sung, dừng xây dựng, điều chỉnh các đề án trong CTCT năm, quý, tháng”</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
Điều 16	Bộ KHĐT	Đề nghị điều chỉnh tên Điều thành “Về bổ sung, điều chỉnh đề án trong chương trình công tác tháng, quý, năm”.	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo Quyết định, theo đó điều chỉnh tên Điều 16 (nay là Điều 15) thành “Việc bổ sung, dừng xây dựng đề án, điều chỉnh thời hạn trình, tên đề án trong chương trình công tác năm, quý, tháng theo đề nghị của bộ, cơ quan, địa phương”
Điểm c, Khoản 1	Bộ TTTT	Tại Điều 16 của dự thảo về “Việc bổ sung, điều chỉnh đề án trong CTCT”, đề nghị sử dụng thống nhất “bổ sung, rút, điều chỉnh” trong đặt tên điều, khoản và nội dung các khoản của điều này.	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo Quyết định theo hướng dùng thuật ngữ “ <i>dừng xây dựng đề án</i> ” cho phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 21 QCLV
Điểm a, Khoản 3	Bộ TC	Khoản c Khoản 1 Điều 16 dự thảo Quyết định: Đề nghị chỉnh sửa lại thành “Các bộ, cơ quan và địa phương căn cứ tình hình thực tiễn công tác chỉ đạo, điều hành của ngành, lĩnh vực, địa bàn có văn bản trình TTgCP, Phó TTgCP đề xuất bổ sung, rút, điều chỉnh đề án” Tại điểm a khoản 3 Điều 16 dự thảo Quyết định về việc bổ sung, điều chỉnh đề án trong chương trình công tác quy định: “Về việc bổ sung, rút, điều chỉnh đề án phải có đầy đủ ý kiến của các cơ quan có liên quan”. Đối với quy định này, đề nghị Văn phòng Chính phủ làm rõ quy định “các cơ quan có liên quan” là cơ quan nào để thuận lợi trong quá trình thực hiện.	Tiếp thu , hoàn thiện dự thảo Quyết định theo hướng dùng thuật ngữ “ <i>dừng xây dựng đề án</i> ” Giải trình . Việc xác định các cơ quan liên quan phụ thuộc vào nội dung của từng đề án, do đó không thể quy định cụ thể các cơ quan có liên quan tại Điểm này. Các cơ quan, địa phương chủ trì căn cứ nội dung của từng đề án chịu trách nhiệm xác định các cơ quan có liên quan. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo.
Điều 17	Bộ TTTT Bộ TC	- Tại Điều 17 của dự thảo về “Về việc điều chỉnh thời hạn trình đề án trong chương trình công tác”, đề nghị làm rõ các quy định về “cấp có thẩm quyền”, “nguyên nhân khách quan, bất khả kháng” và “trường hợp cần thiết” để thuận lợi trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện sau khi ban hành (TTTT).	Tiếp thu . theo đó điều chỉnh tên Điều 17 (nay là Điều 16) thành “Việc điều chỉnh thời hạn trình đề án trong chương trình công tác tháng, quý, năm”. Đồng thời, VPCP đề nghị bổ quy định “trừ

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
	Bộ KHDĐT	<p>- Đề nghị làm rõ các trường hợp (điều kiện) cụ thể không được điều chỉnh lùi thời hạn trình hoặc các trường hợp (điều kiện) cụ thể được lùi tiến độ trình, điều chỉnh lùi thời hạn trình tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 để thuận lợi trong việc áp dụng thực tiễn; làm rõ “cấp có thẩm quyền” cho phép điều chỉnh, lùi tiến độ trình đối với dự án, dự thảo VBQPPL quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành QPPL là cấp nào để thuận lợi trong quá trình thực hiện (TC)</p>	<p>trường hợp được cấp thẩm quyền cho phép. Tại khoản 2 Điều 16 bỏ trường hợp “bất khả kháng” để phù hợp với quy định về trường hợp các bộ, cơ quan và địa phương đề nghị dừng xây dựng đề án, điều chỉnh thời hạn trình đề án quy định tại khoản 1 Điều 15 dự thảo Quyết định.</p> <p>Nguyên nhân khách quan là những nguyên nhân không phụ thuộc vào chủ quan của các cơ quan, đơn vị.</p> <p>Các trường hợp bất khả kháng đã được quy định của pháp luật liên quan. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo.</p>
Khoản 1	Bộ CA	<p>Đề nghị điều chỉnh tên Điều thành “Về việc điều chỉnh thời hạn trình đề án trong chương trình công tác tháng, quý, năm”.</p> <p>Tại khoản 1 Điều 17 (Về việc điều chỉnh thời hạn trình đề án trong CTCT), đề nghị chỉnh lý thành: “Không cho phép Chỉ được lùi tiến độ trình, phê duyệt đề án là dự án, dự thảo VBQPPL quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành của VBQPPL, các điều ước quốc tế mà làm ảnh hưởng đến thi hành của các VBQPPL, các điều ước quốc tế đó; trừ trường hợp trong trường hợp thật sự cần thiết và được cấp thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ cho phép”.</p>	<p>Giải trình. Dùng cụm từ “<i>Không cho phép...</i>” thể hiện yêu cầu phải tuân thủ nghiêm túc thời hạn phải trình các đề án đã giao, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc thực hiện chỉ đạo của CP, TTgCP. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo</p>
	Bộ NG	<p>Khoản 1 Điều 17: “<u>Không</u> cho phép lùi tiến độ trình, phê duyệt đề án là dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành của văn bản quy phạm pháp luật; <u>văn bản quy phạm pháp luật</u> thực hiện điều ước quốc tế mà Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên mà làm ảnh hưởng đến hiệu</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện lại như sau: “<i>Không cho phép lùi thời hạn trình, phê duyệt đề án là dự án, dự thảo VBQPPL quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành của VBQPPL hoặc thực hiện các điều ước quốc tế mà làm ảnh</i></p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
		lực thi hành của các văn bản quy phạm pháp luật và việc tuân thủ thực hiện điều ước quốc tế đó....”.	<i>hướng đến hiệu lực thi hành của các VBQPPL, việc tuân thủ thực hiện điều ước quốc tế đó; trừ trường hợp được cấp thẩm quyền cho phép</i>
Khoản 2	Khánh Hòa	Khoản 2 Điều 17 dự thảo có nêu “Không điều chỉnh lùi thời hạn trình đề án, trừ nguyên nhân khách quan, bất khả kháng”. Đề nghị nêu cụ thể nguyên nhân khách quan; chẳng hạn đối với các đề án phải bổ sung, hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của các Bộ, ngành Trung ương có thuộc trường hợp lùi thời hạn trình hay không.	Giải trình. Nguyên nhân khách quan là những nguyên nhân không phụ thuộc vào chủ quan của các cơ quan, đơn vị. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo.
Điều 21	Bộ LĐTBXH	Tại Điều 21, đề nghị sửa tên điều thành “Đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác”.	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định.
Điều 22	Bộ KHCN	Tại khoản 1 Điều 22: Đề nghị cân nhắc, bỏ quy định về báo cáo 6 tháng và báo cáo năm về tình hình, kết quả thực hiện chương trình công tác. Lý do: Thời gian báo cáo sẽ trùng với báo cáo công tác Quý II, Quý IV và các báo cáo công tác kiểm điểm chỉ đạo, điều hành 6 tháng, năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Điều này sẽ gây phiền hà cho các bộ, ngành, địa phương trong việc tổ chức, triển khai công tác báo cáo.	Giải trình. Quy định này tại Dự thảo là phù hợp với QCLV hiện hành, Quyết định 42/2014/QĐ-TTg và không làm phát sinh thêm các chế độ báo cáo. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể lồng ghép các nội dung vào 01 báo cáo. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo
Bộ KHCN		Đề nghị nghiên cứu, bổ sung tại 01 Phụ lục về Biểu mẫu báo cáo tình hình, kết quả thực hiện chương trình công tác tháng, quý, năm; báo đảm thống nhất, thuận tiện cho các bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện; phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 22 dự thảo Quyết định.	Giải trình. Việc quy định biểu mẫu báo cáo tình hình, kết quả thực hiện CTCT tại Quyết định này là không cần thiết. Khoản 3 Điều 21 dự thảo Quyết định đã có quy định: “ <i>Căn cứ yêu cầu chỉ đạo, điều hành, VPCP hướng dẫn nội dung, biểu mẫu, phương thức gửi, nhận báo cáo kết quả thực hiện CTCT</i> ”. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
	Thông TXVN	<p>Tại Điều 22: đề nghị xem xét bổ sung thêm cụm từ “thời hạn” vì nội dung của điều này là thời hạn trình báo cáo, cụ thể sửa như sau: “<i>Điều 22. Thời hạn báo cáo tình hình, kết quả thực hiện CTCT.</i>”</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định</p>
<p>Khoản 1</p>	<p>Bộ CA Bộ LĐTĐXH Bắc Kạn Ninh Bình</p>	<p>- Tại khoản 1 Điều 22 (Các bộ, cơ quan, địa phương báo cáo), trang 11 dự thảo Quyết định, đề nghị chỉnh lý thời hạn gửi báo cáo quý, tháng, hằng năm từ “trước ngày 15 của tháng cuối kỳ báo cáo” thành: “chậm nhất vào ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo” để phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (CA)</p> <p>- Tại Điều 22, đề nghị sửa cụm từ “Trước ngày 15 tại các điểm b, c và d khoản 1 thành “Trước ngày 25” (LĐTĐXH)</p> <p>- UBND tỉnh Bắc Kạn cũng đề xuất, kiến nghị với đơn vị chủ trì soạn thảo xem xét, điều chỉnh thời hạn báo cáo đối với kỳ báo cáo quý, 6 tháng, hằng năm từ “trước ngày 15” (quy định tại khoản 1, Điều 22 của dự thảo Quyết định quy định về báo cáo tình hình, kết quả thực hiện chương trình công tác đối với các bộ, cơ quan, địa phương) sang thời điểm sau ngày 15 đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước và thuận tiện cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện. Lý do: Thời gian chốt số hiệu định kỳ đối với ngành, lĩnh vực của các đơn vị, hiện nay hầu hết đang thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019, theo đó Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo; Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/6 của kỳ báo cáo; Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo</p>	<p>Giải trình. Việc quy định thời hạn báo cáo như vậy là phù hợp với các quy định trong QCLV của CP (Điểm a Khoản 1 Điều 41 QCLV quy định thời hạn báo cáo định kỳ hằng quý, 06 tháng, năm và công tác chỉ đạo, điều hành, trong đó có nội dung về kết quả thực hiện CTCT, <u>là ngày 15 của tháng cuối kỳ báo cáo</u>); riêng đối với báo cáo hằng tháng về kết quả thực hiện CTCT thì trước ngày 25 hằng tháng theo quy định tại Khoản 4 Điều 22 QCLV.</p> <p>QCLV của CP ban hành kèm theo Nghị định 39/2022/NĐ-CP, có hiệu lực sau Nghị định số 09/2019/NĐ-CP. Do đó, đề nghị áp dụng quy định của QCLV của CP ban hành kèm theo Nghị định số 39/2022/NĐ-CP theo đúng quy định về áp dụng VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
		đến ngày 14/12 của kỳ báo cáo). Với thời gian chót số liệu đến ngày 14, nếu phải báo cáo trước ngày 15 thì không đảm bảo thời gian cho các đơn vị, địa phương tổng hợp (Bắc Kạn, Ninh Bình)	
Điều 23	Ninh Thuận	Khoản 1 Điều 22 dự thảo Quyết định: Đề nghị hiệu chỉnh để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 22 và khoản 1 Điều 41 QCLV của CP ban hành kèm theo Nghị định số 39/2022/NĐ-CP.	Giải trình. Quy định tại dự thảo là phù hợp với QCLV của CP.
Điều 23	Bộ YT	- Đề nghị cân nhắc bổ sung nội dung đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của VPCP trong việc thực hiện chương trình công tác để đảm bảo tính toàn diện của Quyết định (Y tế).	- Giải trình. VPCP là cơ quan ngang bộ và được giao chủ trì thực hiện các đề án trong CTCT của CP, TTg, các PTTg và phân công của CP, TTg, các PTTg và cũng chịu sự điều chỉnh của Quyết định này như các bộ, cơ quan, địa phương và cũng phải đánh giá tỷ lệ thực hiện đề án trong năm. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo
	Bộ KHĐT Bộ CA Bộ TC	- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung cơ chế đánh giá phù hợp mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan, địa phương trong việc thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để bảo đảm đánh giá chính xác kết quả và hiệu quả làm việc của các bộ, cơ quan, địa phương phù hợp với khối lượng công việc, số lượng đề án được giao vì hiện nay có những bộ, cơ quan, địa phương được giao ít đề án, nhưng có những bộ, cơ quan, địa phương được giao thực hiện rất nhiều đề án (KHĐT) - Tại khoản 2 Điều 23 (Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan và địa phương trong việc thực hiện chương trình công tác), trang 11 dự thảo Quyết định, đề nghị nghiên cứu bổ sung	- Giải trình. Căn cứ lĩnh vực phụ trách và yêu cầu của công tác chỉ đạo, điều hành, việc có bộ được giao nhiều đề án trong CTCT năm nhưng có bộ được giao ít đề án hơn như ý kiến của một số cơ quan nêu là đúng thực tế. Tuy nhiên, các đề án được giao cho các bộ, cơ quan là căn cứ trên đề xuất của bộ, cơ quan hoặc là nhiệm vụ được CP, TTg giao; tương ứng với số lượng đề án được giao, các bộ, cơ

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
		<p>quy định để đánh giá khách quan đối với các bộ, cơ quan và địa phương phải trình nhiều đề án trong 01 năm hoặc chủ trì đề án có nội dung khó, phức tạp, nhằm tránh tình trạng các bộ, cơ quan và địa phương né tránh việc đăng ký đề án hoặc xây dựng, trình đề án không đảm bảo để hoàn thành theo đúng tiến độ (CA)</p> <p>- Tại Điều 23 dự thảo Quyết định về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan và địa phương trong việc thực hiện chương trình công tác:</p> <p>Do việc quy định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở tỷ lệ phần trăm đề án đã trình, tỷ lệ phần trăm đề án nợ đọng chưa trình sẽ không phản ánh chính xác mức độ hoàn thành nhiệm vụ khi so sánh giữa các bộ, cơ quan và địa phương (đặc biệt khi số lượng đề án phải hoàn thành giữa các bộ, cơ quan và địa phương có sự chênh lệch lớn, có một số bộ, ngành có số lượng đề án thuộc chương trình công tác rất lớn), vì vậy, đề nghị không quy định chi tiết việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan và địa phương trong thực hiện chương trình công tác mà chỉ thực hiện theo Quy chế làm việc của Chính phủ, đề tự các bộ, cơ quan, địa phương đánh giá việc thực hiện các đề án trong chương trình công tác trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Trong trường hợp Văn phòng Chính phủ vẫn quy định chi tiết nội dung này, đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm tiêu chí về số lượng tối đa các đề án phải thực hiện của các bộ, ngành, địa phương để đánh giá, tính tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ (TC)</p>	<p>quan chủ trì được bố trí, sắp xếp đủ nguồn lực để đáp ứng yêu cầu xây dựng các đề án.</p> <p>Khoản 5 Điều 22 QCVL của CP quy định: “<i>Kết quả thực hiện CTCT là tiêu chính đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của thành viên CP, các bộ, cơ quan, địa phương</i>”.</p> <p>Để làm rõ hơn quy định nêu trên trong QCVL, Khoản 1 và 2 Điều 22 dự thảo Quyết định quy định cụ thể thêm việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan, địa phương trong việc thực hiện CTCT được căn cứ vào kết quả thực hiện CTCT năm (không căn cứ vào kết quả thực hiện CTCT quý, tháng).</p> <p>Đồng thời làm rõ kết quả thực hiện CTCT năm để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan, địa phương trong thực hiện CTCT được xác định theo tiêu chí tỷ lệ phần trăm đề án đã trình, tỷ lệ nợ đọng trên tổng số đề án giao trong năm. Việc dựa trên tỷ lệ % đề án đã trình, nợ đọng là phù hợp, đúng thực tế và hiện đang được áp dụng. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo Quyết định.</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
Khoản 1	Bộ KHCN	<p>Đề nghị rà soát, điều chỉnh thời gian tính kết quả trình các đề án trong chương trình công tác năm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 để bảo đảm phù hợp với thời điểm trước ngày 15/12 hằng năm các bộ, ngành, địa phương báo cáo kết quả thực hiện chương trình công tác năm (KHCN)</p>	<p>Giải trình. Ngày 15/12 hằng năm là ngày gửi báo cáo năm về tình hình hình thực hiện CTCT để VPCP rà soát, đủ thời gian để tổng hợp, kịp thời tiếp tục đôn đốc, báo cáo.</p> <p>Việc quy định thời gian trình đề án được tính đến ngày 31/12 trong tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong thực hiện CTCT năm nhằm bảo đảm đúng thực tế kết quả thực hiện trong năm.</p> <p>Sau ngày 15/12 đến hết 31/12, VPCP chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, địa phương tiếp tục cập nhật tình hình thực hiện để báo đảm kết quả chính xác.</p> <p>Do đó, đề nghị giữ như dự thảo</p>
Khoản 2	Bộ TP Bộ NV Bộ TTTT Bộ NG Bộ TTTT TP Hải Phòng Quảng Ninh	<ul style="list-style-type: none"> - Đề việc đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác được rõ ràng, minh bạch, bên cạnh việc đề ra nguyên tắc về việc đánh giá dựa trên kết quả thực hiện được tính theo tỷ lệ đề án đã trình, đã hoàn thành so với tổng số đề án phải trình; cần xem xét cụ thể hóa tỷ lệ theo các mức độ hoàn thành tương ứng (NG) - Tại khoản 2 Điều 23 dự thảo Quyết định, đề nghị quy định rõ tỷ lệ phần trăm đề án đã hoàn thành đúng tiến độ để làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình công tác của từng cơ quan (TP). - Tại Khoản 2, Điều 23: Đề nghị nghiên cứu, quy định cụ thể tỷ lệ phần trăm đối với đề án đã trình, đề án nợ đọng chưa trình làm cơ 	<p>Giải trình. Quy chế làm việc của Chính phủ chỉ quy định “kết quả thực hiện CTCT là tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của bộ, cơ quan, địa phương”, mà không yêu cầu phải xếp loại hoàn thành nhiệm vụ, nên việc quy định kết quả thực hiện CTCT năm để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của bộ, cơ quan, địa phương trong thực hiện CTCT được xác định theo tiêu chí tỷ lệ % đề án đã trình, nợ đọng chưa trình trên</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
		<p>sở xác định mức độ hoàn thành, không hoàn thành của các bộ, ngành, địa phương (NV)</p> <p>- Đề nghị cần quy định cụ thể các mức độ và nguyên tắc, tiêu chí cụ thể để đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác của các bộ, ngành và địa phương (TTTT)</p> <p>- Đề nghị nghiên cứu, xác định các tỷ lệ nêu trên cụ thể là bao nhiêu để thống nhất trong việc đánh giá (Hải Phòng)</p> <p>- Đề nghị quy định cụ thể mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan, địa phương trong việc thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để các cơ quan, địa phương chủ động và có trách nhiệm hơn trong tổ chức thực hiện, đồng thời, giúp cho việc đánh giá được khách quan, chính xác hơn (QN)</p>	<p>tổng số đề án giao trong năm là phù hợp. <i>Do đó, đề nghị giữ như giữ thảo.</i></p>
Điều 26	Bộ KHHCN	<p>Đề nghị nghiên cứu, bổ sung vào Điều này quy định xử lý đối với các đề án nợ đọng, đặc biệt là đề án nợ đọng từ cuối năm trước nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 17.</p>	<p>Giải trình. Đối với các đề án nợ đọng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 17 đã được quy định bổ sung vào điểm b Khoản 4 Điều 7 dự thảo Quyết định.</p>
Khoản 3	Bộ TTTT	<p>Tại khoản 3, Điều 26 của dự thảo về “Trách nhiệm, quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” đề nghị xem xét quy định khung mẫu kế hoạch thực hiện đề án trong chương trình công tác để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức triển khai sau này</p>	<p>Giải trình. Việc xây dựng kế hoạch thực hiện đề án do các cơ quan và địa phương chủ trì xác định và phụ thuộc vào nguồn lực, phương thức chỉ đạo, điều hành cụ thể của từng bộ, cơ quan, địa phương. <i>Do đó, xin không bổ sung nội dung này vào dự thảo.</i> Tuy nhiên, để bản ảnh rõ hơn thực tế khối lượng công việc của các bộ, cơ quan, địa phương trong thực hiện CNTT của CP, TTgCP, VPCP xin bổ sung quy định tại Khoản 3 Điều 22 dự thảo,</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
Khoản 6	Bộ KHCN UBDT	<p>- Tại Điều 26: Đề nghị cần nhắc, bổ sung vào khoản 6 Điều này đoạn sau: "... theo đúng quy định của Quy chế làm việc của Chính phủ, Luật Ban hành VBQPPL và các nghị định hướng dẫn thi hành" do nhiều đề án trong CTCT là các VBQPPL nên thời hạn phải tuân theo Luật Ban hành VBQPPL (KHCN)</p> <p>- Tại khoản 6, Điều "26. Trách nhiệm, quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh" của dự thảo Quyết định, đề nghị bổ sung thêm cụm từ "có văn bản" vào trước từ "đề nghị" và sửa thành: "Bộ, cơ quan, địa phương, tổ chức liên quan thực hiện trách nhiệm phối hợp xây dựng đề án theo quy định; có trách nhiệm tham gia ý kiến đúng thời hạn đối với đề án khi được bộ, cơ quan, địa phương chủ trì chuẩn bị có văn bản đề nghị theo đúng QCLV của Chính phủ", cho trách nhiệm của bộ, cơ quan, địa phương chủ trì chuẩn bị đề án rõ hơn (UBDT)</p>	<p>theo đó VPCP thông báo công khai đến các bộ, cơ quan, địa phương về số lượng đề án từng bộ, cơ quan, địa phương phải trình trong năm (gồm cả đề án được giao bổ sung) và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan, địa phương trong thực hiện công việc</p> <p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo</p>
Điều 28	Bộ KHCN Bộ TP Bộ NV Bộ NG Bộ TC Đài THVN	<p>Tại Điều 28: Đề nghị cần nhắc bỏ quy định "các quy định trái với quy định tại Quyết định này đều bị bãi bỏ". Lý do: trong trường hợp không xác định rõ các quy định nào bị bãi bỏ thì việc quy định như vậy không rõ ràng để áp dụng; đồng thời, có thể có các quy định tại Luật, nghị định có quy định không phù hợp với nội dung của Quyết định nhưng có giá trị pháp lý cao hơn.</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo</p> <p>- Tiếp thu, sửa lại ngày có hiệu lực của Quyết định theo đúng quy định của Luật Ban hành VBQPPL</p> <p>- Do đây là lần đầu tiên TTgCP ban hành Quyết định của TTg về vấn đề</p>

Vấn đề được góp ý	Bộ, cơ quan, địa phương góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu/Giải trình
Điều 29	Quảng Ninh Hòa Bình Bình Định Long An TP Hồ Chí Minh	<p>- Tại Điều 28 dự thảo Quyết định, đề nghị rà soát, quy định rõ hiệu lực thi hành của Quyết định và những quy định nào được bãi bỏ, không quy định chung chung “Các quy định trái với quy định tại Quyết định này đều bị bãi bỏ” để bảo đảm nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật (Văn bản có hiệu lực pháp lý thấp hơn phải phù hợp với văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn) (TP, NG, NV, THVN, Hòa Bình, Bình Định, Long An).</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa lại Điều 28 dự thảo Quyết định để phù hợp với quy định của Luật Ban hành VBQPPL theo hướng quy định rõ ngày có hiệu lực của Quyết định (đảm bảo nguyên tắc không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày ký ban hành) và cần rà soát để chỉ rõ các văn bản quy phạm pháp luật được thay thế, bãi bỏ (nếu có) (TC, Quảng Ninh, Bình Định, TP Hồ Chí Minh).</p>	<p>này, do đó xin tiếp thu, bỏ nội dung “Các quy định trái với quy định tại Quyết định này đều bị bãi bỏ” tại Khoản 1 Điều 28.</p>
Điều 29	Bộ TP	<p>Điều 29 dự thảo Quyết định nêu trách nhiệm thi hành Quyết định gồm “các thành viên Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ...”. Tuy nhiên, các thành viên Chính phủ theo quy định tại khoản 1, Điều 2 Luật Tổ chức Chính phủ bao gồm: TTgCP, các Phó TTgCP, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Do đó, Bộ Tư pháp đề xuất bỏ cụm từ “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ” tại điều 29 để đảm bảo phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ và thống nhất với khoản 2, Điều 1 dự thảo Quyết định về đối tượng áp dụng.</p>	<p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định.</p>

** Sau khi tiếp thu hoàn thiện, dự thảo Quyết định của TTgCP quy định về việc xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình công tác của CP, TTgCP gồm 7 Chương, 28 Điều (giảm 01 Điều so với dự thảo trước khi xin ý kiến).*

